

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày 6 - 8 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hoàng Trung Tính - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và 06 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh K, sinh năm 2002 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: TDP N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: đánh bắt cá; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị Thanh L; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/3/2022, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm tù về tội “Giết người” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2023, chấp hành xong phần án phí ngày 30/5/2022); bị cáo bị bắt từ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. Hồ Phi P, sinh năm 1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: TDP L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: bảo trì điện; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ G và bà Huỳnh Thị P1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt.

3. Lê Hoài S, sinh năm 1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: TDP K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: đánh bắt cá; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T và bà Đặng Thị Mỹ L1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh K:

1. Ông Phạm Văn S1 –Luật sư Công ty L3, Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn T1 - Luật sư Công ty L4 và Cộng sự, Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài S: ông Nguyễn Triệu Q – Luật sư Văn phòng L5, Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

- Bị hại: Ông Võ Hùng H, sinh năm 1995, nơi cư trú: khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phan Hữu N, sinh năm 2000; nơi cư trú: TDP K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

2. Ông Trương Quốc S2, sinh năm 2001, nơi cư trú: xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Châu T2, sinh năm 2000, nơi cư trú: khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Phan Thị Lệ T3, sinh năm 1998, vắng mặt;

2. Lê Thị Trúc L2, sinh năm 2000, vắng mặt;

3. Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1998, vắng mặt;

4. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1986, vắng mặt;

5. Trần Văn N2, sinh năm 1991, vắng mặt;

6. Nguyễn Minh T4, sinh năm 1990, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S cùng quê tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có quan hệ quen biết nhau.

Khoảng 20 giờ ngày 02/02/2024, Phan Hữu N (sinh năm 2000, nơi thường trú: TDP K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) rủ Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S đi đến quán ốc 20k cạnh đường B thuộc khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Phan Thị Lệ T3 (sinh năm: 1998, nơi thường trú: TDP K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) làm chủ quán để uống bia.

Tại quán ốc 20k, Phan Hữu N tổ chức uống bia gồm có: Phan Hữu N, Trần Thanh K, Hồ Phi P, Lê Hoài S, Phan Thị Lệ T3 và Lê Thị Trúc L2 (sinh năm: 2000, nơi thường trú: xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lê Thị Trúc L2 gọi điện thoại rủ Trần Thị Ngọc H1 (sinh năm 1998, nơi thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nay là xã P, tỉnh An Giang), Trương Quốc S2 (sinh năm 2001, nơi thường trú: xã T, huyện T, Đồng Tháp, nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) và Nguyễn Châu T2 (sinh năm 2000, nơi thường trú: Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) đến quán ốc 20k để uống bia với nhóm của Phan Hữu N. Đến khoảng 01 giờ 15 phút ngày 03/02/2024, cả nhóm hùn tiền để trả tiền bia cho T3. Lúc này, T2 và S2 không mang theo tiền nói sẽ chuyển khoản trả lại cho nhóm sau nên T2 và S2 xảy ra mâu thuẫn với N, K, P và S. Tại đây, N, K, P và S dùng tay đánh T2 và S2 bỏ chạy đến phía trước quán C2, cạnh đường Q thuộc khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, T2 gọi điện thoại nói nói với Võ Hùng H (sinh năm 1995, nơi thường trú: Khu phố E, phường T, Thành phố T, tỉnh Bình Dương, nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) mang theo hung khí đi đến quán ốc 20k để đánh nhóm của K thì H đồng ý điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số: 73K1 – 119.xx đi đến quán ốc 20k nhưng không mang theo hung khí. Khả, S và P sợ bị nhóm của T2 đánh nên đi vào bên trong quán ốc 20k lấy dao mang theo người, K lấy 01 con dao dài khoảng 15cm lưỡi dao bằng thép màu trắng có đầu nhọn, cán dao màu đen; P lấy 01 con dao dài khoảng 30cm, lưỡi dao bằng thép, cán dao bằng nhựa màu đen; S lấy 01 con dao dài khoảng 30cm lưỡi dao bằng thép, cán dao bằng nhựa màu đen. Sau đó, K hỏi mượn xe mô tô (không rõ biển số) của bà Phan Thị Lệ T3 để điều khiển xe chở S và P đi về phòng trọ của P thuộc khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thuê ở, bà T3 đồng ý, còn N ở lại quán ốc 20K dọn dẹp xong rồi đi về sau. K điều khiển xe mô tô chở S và P đi trên đường Quốc lộ 13 theo hướng từ thành phố B đến thành phố T được một đoạn khoảng 01km thì dừng lại ven đường chờ N cùng về. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, K, S và P không thấy N ra về nên K điều khiển xe mô tô chở S và Phước đi trở lại

quán Ố để rước N. Khi K điều khiển xe mô tô chở S và P đi đến khu vực ngã ba đường Q và đường A thấy T2, S2 và Võ Hùng H đang đứng ven đường Q, còn N đang ngồi trên xe mô tô dừng ven đường 016. Khả, S và P nghĩ nhóm của T2 đang chặn đánh N nên K dừng xe phía trước quán cà phê B rồi cùng P và S cầm dao chạy đến chém nhóm của T2 thì T2 và S2 bỏ chạy, còn Võ Hùng H vẫn ngồi trên xe mô tô thì bị K cầm dao đâm trúng vào bụng bên trái, bàn tay phải của H, còn P và S cầm dao chém nhưng không trúng người H. Sau đó, H bỏ chạy nhảy qua dải phân cách giữa đường Q để trốn. Lúc này, K điều khiển xe mô tô chở S và P đi tìm H nhưng không thấy nên trở lại khu vực ngã ba đường Q và đường 016 thấy Sự đang đứng ven đường 016. Tại đây, K, S và P dùng tay, chân đánh S2 bỏ chạy đến đường Q thì ngưng. Trong lúc xảy ra vụ việc thì có ông Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1986, nơi thường trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định, nay là phường A, tỉnh Gia Lai), ông Trần Văn N2 (sinh năm 1991, nơi thường trú: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa), ông Nguyễn Minh T4 (sinh năm 1990, nơi thường trú: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) đang ở gần đó chứng kiến vụ việc. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở S và P ngồi phía sau đi về phòng trọ của P để ngủ.

Khoảng 02 giờ ngày 03/02/2024, bà Võ Thị Bích H2 (sinh năm 1991, nơi thường trú: Khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) là chị ruột của H đến Công an phường T trình báo vụ việc. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết theo thẩm quyền.

Theo Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 311/2024/KLGD/TTPY ngày 24/5/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Hùng H tại thời điểm giám định là 26%.

Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương vùng bụng trái, thấu bụng rách mạc treo đại tràng trái, mạc nối lớn: Sẹo bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra.

- Vết thương ngón II bàn tay phải: Bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của K, P và S phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Chị Phan Thị Lệ T3 không biết K sử dụng xe làm phương tiện dùng vào việc phạm tội. Sau khi gây án, K đã trả xe mô tô cho chị Phan Thị Lệ T3.

Đối với Trương Quốc S2 bị Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S cùng có hành vi dùng tay, chân đánh trúng vào người nhưng không để lại thương tích, Trương

Quốc S2 không yêu cầu khởi tố vụ án và không yêu cầu xử lý đối với hành vi cố ý gây thương tích trên của Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S.

Đối với con dao là hung khí Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S sử dụng vào việc phạm tội, K, P và S đã ném bỏ, không rõ vị trí. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thanh K, Hồ Phi P, Lê Hoài S và Phan Hữu N bồi thường thiệt hại tổng số tiền 264.000.000 đồng cho Võ Hùng H, trong đó: Trần Thanh K số tiền 71.000.000 đồng, Hồ Phi P số tiền 71.000.000 đồng, Lê Hoài S số tiền 72.000.000 đồng và Phan Hữu N số tiền 50.000.000 đồng. Ông Võ Hùng H không yêu cầu giải quyết gì thêm và có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị can Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S.

Cáo trạng số: 142/CT-VKSBC ngày 20/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S về các tội “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Trần Thanh K mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo Hồ Thi P2 mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 09 tháng tù.

- Bị cáo Lê Hoài S mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 09 tháng tù.

Bị cáo Hồ Phi P không tranh luận

Người bào chữa Nguyễn Triệu Q bào chữa cho bị cáo Lê Hoài S trình bày tranh luận: Đối với tội danh Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2

Điều 143 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, người bào chữa không tranh luận.

Đối với tội danh Gây rối trật tự công cộng, người bào chữa chưa thống nhất, bởi lẽ xét điều kiện, bối cảnh xảy ra vụ việc là xuất phát từ mâu thuẫn trong quán của bà Phan Thị Lệ T3, khi các bị cáo và nhóm người T2, S2 cùng nhau ăn uống, thời gian xảy ra tranh cãi là vào khoảng 12 h đêm, trong quán đã vắng khách, tại thời điểm này các bị cáo chưa sử dụng hung khí, bị cáo vào quán để lấy dao, mục đích tự vệ. Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo đã vứt dao, đuổi theo bị hại không có hung khí, không có hành vi la lối, cãi vã, la hét ngoài đường. Nếu có chăng cũng chỉ là khoản 1 Điều 318 của bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo S có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, học vấn thấp, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin không truy cứu trách nhiệm, hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của bộ luật Hình sự; Điều 1, Điều 2, Điều 3 (điểm b, khoản 4, 5) của Nghị quyết 02 về án treo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa Phạm Văn S1 bào chữa cho bị cáo Trần Thanh K trình bày tranh luận: Về tội danh Cố ý gây thương tích, người bào chữa thống nhất như nội dung Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên cáo trạng xác định bị cáo K là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại H nên có vai trò chính là chưa xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, tại báo cáo giải quyết tin B1 (BL 52) chưa xác định được đối tượng nào đâm, biên bản lấy lời khai của bị hại H ngày 06/02/2024, thể hiện chưa đủ căn cứ xác định K là người trực tiếp gây ra vết thương cho bị hại H, qua các biên bản nhận dạng, kết luận giám định cũng chưa đủ căn cứ xác định K là người trực tiếp gây nên thương tích cho H, mà cả 3 bị cáo đều tham gia tấn công bị hại. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hạ khung hình phạt để xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Đối với tội Gây rối trật tự công cộng, thống nhất ý kiến bào chữa của người bào chữa Nguyễn Triệu Q, sau khi gây thương tích, các bị cáo đã vứt dao, rượt theo bị hại là để đưa bị hại đi cấp cứu, khi quay lại gặp S2, đánh S2 bằng tay, chân nên chỉ cấu thành theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo K bằng thời hạn tạm giam và trả tự do ngay tại phiên tòa.

Người bào chữa Nguyễn Văn T1 bào chữa cho bị cáo Trần Thanh K trình bày tranh luận: Thống nhất quan điểm bào chữa của luật sư S1, nguyên nhân các bị cáo sử dụng hung khí gây thương tích là T1, S2 có những lời nói gây bức xúc, mang tính thách thức, nhóm T1, S2 điện thoại cho H mang tính thách thức, mục đích lấy dao là phòng thân, không có động cơ gây án, bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất có thể.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Đối với tội danh “Gây rối trật tự công cộng”, hành vi của các bị cáo sử dụng hung khí rượt đuổi bị hại, gây huyên náo đoạn đường nơi các bị cáo gây thương tích cho bị hại nên đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Đối với vai trò của bị cáo K, căn cứ vào lời khai, Kết luận giám định, cơ chế hình thành vết thương có căn cứ xác định vết thương vùng bụng là do bị cáo K gây ra. Viện kiểm sát đã cân nhắc, đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo và đề nghị hình phạt phù hợp, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm tranh luận, không ý kiến gì khác.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh K, Lê Hoài S, Hồ Phi P cùng khai nhận:

Khoảng 1h 30 ngày 03/02/2024, do mâu thuẫn cùng Trương Quốc S2, Nguyễn Châu T2 tại quán ốc 20K của bà Phan Thị Lệ T3 tại khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S cùng lấy dao tại quán mang theo người để phòng thân. Trần Thanh K đã mượn xe mô tô của bà T3 chở P, S về phòng trọ. Trên đường về, do chưa thấy Phan Hữu N về nên cả nhóm quay lại chờ N. Khi quay lại đoạn đường giao nhau giữa Quốc lộ A và đường B, thấy nhóm người của T2, S2 đứng bên ngoài, N đứng cách xa hơn 20m, K, S, Phước nghĩ rằng N bị nhóm của T2, S2 chặn đánh nên cả ba cùng dùng dao mang theo chém nhóm người của T2, S2 để giải vây cho N. T2, S2 bỏ chạy nên không bị thương tích, ông Võ Hùng H ngồi trên xe bị K, S, P cùng tấn công, ông H bị thương nên bỏ chạy, K, S, P cùng rượt đuổi,

do ông H nhảy qua dây phân cách cứng để chạy về bên hướng đường ngược lại nên nhóm K, S, P không tiếp tục rượt đuổi mà quay lại nơi gây thương tích, thấy ông S2 đang đi bộ ra thì tiếp tục dùng tay, chân đánh ông S2, ông S2 bỏ chạy nhóm của K mới ra về.

Kết luận giám định số: 311/2024/KLGD/TTPY ngày 24/5/2024, Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Hùng H tại thời điểm giám định là 26%.

Như vậy, hành vi của Trần Thanh K, Lê Hoài S, Hồ Phi P sử dụng hung khí nguy hiểm (dao) gây thương tích cho bị hại H với tỷ lệ thương tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 26 %; các bị cáo tham gia đánh nhau, rượt đuổi bị hại H trên đường Quốc lộ 13 nhằm giải quyết mâu thuẫn, làm náo loạn khu dân cư, khiến nhân dân trên địa bàn hoang mang, lo sợ, gây ảnh hưởng xấu an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi các bị cáo thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành các tội “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thanh K, Lê Hoài S cho rằng các bị cáo không có hành vi cãi vã, la hét ngoài đường; không sử dụng hung khí để rượt đuổi bị hại H mà đã vứt bỏ dao khi tham gia rượt đuổi, chỉ sử dụng tay chân đánh ông Trần Quốc S3 nên hành vi của các bị cáo không cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 mà chỉ cấu thành theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Trình bày của người bào chữa là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, xuyên suốt quá trình điều tra các bị cáo K, S, P đều thống nhất khai nhận: Sau khi gây thương tích cho H, các bị cáo tiếp tục đánh Trương Quốc S2 bằng tay, chân và trên đường về phòng trọ mới vứt bỏ dao (lời khai bị cáo S tại các BL 72, 74, 76, bị cáo P tại các BL 97, 99, 101, bị cáo K tại các BL 136, 131, 133, 134a), lời khai các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại H, các bị cáo rượt đuổi nên bị hại phải nhảy qua dây phân cách cứng qua hướng đường ngược lại để trốn tránh, phù hợp với lời khai người làm chứng Nguyễn Minh T4 (BL 275); sau khi rượt đuổi ông H không thành, các bị cáo tiếp tục có hành vi đánh ông Trương Quốc S2 (thể hiệ qua camera giám sát được thu thập trong khu vực) làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại khu vực, chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân phường T nay là phường H, Thành phố H) có yêu cầu đề nghị xử lý nghiêm do hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương (các BL 239, 230). Đối với ông Trương Quốc S2 bị Trần Thanh K, Hồ Phi P và Lê Hoài S cùng có hành vi dùng tay, chân đánh trúng vào người nhưng thương tích không đáng kể, ông S2 đã từ chối giám định thương tích và không yêu

cầu khởi tố vụ án đối với các bị cáo (BL 72) nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với Phan Hữu N, Trương Quốc S2, Nguyễn Châu T2 có tranh cãi trong quán, tuy nhiên, sau khi được mọi người can ngăn, S2 và T2 ra về; N không tham gia gây thương tích hay rượt đuổi bị hại H gây mất trật tự, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ việc dùng dao tấn công bị hại sẽ gây nguy hiểm, tổn thương cho cơ thể bị hại nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vụ án mang tính đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm. Mặc dù, không rủ rê nhưng cả 03 bị cáo cùng tấn công bị hại, các bị cáo cùng chém, đâm bị hại H, gây nên thương tích 26%. Vì vậy, để có tác dụng tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm cần xử phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại theo yêu cầu của bị hại. Bị hại Võ Hùng H cũng có yêu cầu không xử lý hình sự đối với các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ. Bị cáo S bị xét xử về “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao.

Người bào chữa cho bị cáo K cho rằng bị cáo không phải vai trò chính, không xác định chính xác người gây thương tích cho bị hại H, mục đích động cơ phạm tội mờ nhạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất có thể, bằng thời hạn đã tạm giam và trả tự do ngay tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, Kết luận giám định số: 311/2024/KLGD/TTPY ngày 24/5/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), về cơ chế hình thành vết thương vùng bụng trái, thấu bụng rách mạc treo đại tràng trái, mạc nối lớn: Sẹo bờ

sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra. Điều này phù hợp với lời khai của các bị cáo K, S, P trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định K là người dùng dao gọt trái cây, mũi nhọn để tấn công bị hại, các bị cáo S, P dùng dao có phần mũi bầu. Do vậy, trình bày của người bào chữa cho rằng bị cáo K có vai trò thấp, không đáng kể để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bằng thời hạn tạm giam là không có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo K còn có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về hành vi Giết người, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2023, đến ngày 03/02/2024 lại tiếp tục phạm tội, chùng tở bị cáo xem thường pháp luật, do vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo K là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, các bị cáo Sơn P3 là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định mức phạt khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích bị hại. Bị hại H không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn không yêu cầu truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

8] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh K, Lê Hoài S, Hồ Phi P phạm các tội “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Xử phạt: bị cáo Trần Thanh K 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Trần Thanh K phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 07 năm 2024.

1.2 Xử phạt: bị cáo Lê Hoài S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Hoài S phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Xử phạt: bị cáo Hồ Phi P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Hoài S phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Thanh K, Lê Hoài S, Hồ Phi P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng hồ sơ nghiệp vụ);
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh
- Người tham gia tố tụng (10);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT, NTS, 35.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang